

Số: 55/2018/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc Quy định mức thu tiền bảo vệ,**  
**phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của HĐND tỉnh về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 939/TTr-STC ngày 20/12/2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Quyết định này quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La.

**2. Đối tượng áp dụng:** Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa được nhà nước giao, cho thuê đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

**3. Mức thu và thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:**

a) Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Mức thu =  $\frac{\text{Diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp}}{\text{Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng theo từng địa bàn tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do UBND tỉnh ban hành}} \times 100\%$

b) Thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa:

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo thu tiền bảo vệ đất trồng lúa, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm nộp đủ số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định vào ngân sách tỉnh. Quá ngày phải nộp theo quy định mà người sử dụng đất chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp chịu phạt tiền chậm nộp theo quy định hiện hành.

## **Điều 2.** Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí

Khoản tiền thu từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, được sử dụng theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

**Điều 3.** Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và người sử dụng đất:

### **1. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn việc thu, hạch toán và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả khai hoang, phục hóa cải tạo đất và bổ sung diện tích đất trồng lúa nước phải chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp.

### **3. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, có văn bản xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được chuyển thành đất phi nông nghiệp gửi Cục Thuế tỉnh để xác định và tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

- Hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, lập bản đồ đất trồng lúa theo quy định.

### **4. Cục Thuế tỉnh**

- Tổ chức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với cơ quan, tổ chức, nộp vào ngân sách tỉnh.

- Chỉ đạo, đôn đốc Chi cục thuế các huyện, thành phố tổ chức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với hộ gia đình, cá nhân, nộp vào ngân sách tỉnh.

**5.** Các sở, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện các quy định có liên quan tại quyết định này.

### **6. UBND các huyện, thành phố:**

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định cụ thể vị trí, diện tích, ranh giới đất chuyên trồng lúa nước được chuyển thành đất phi nông nghiệp.

b) Xác định và tổ chức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh đối với hộ gia đình, cá nhân.



c) Tổ chức công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt theo đúng quy định.

d) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới chất lượng đất lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước (gọi là người sử dụng đất):

a) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai và phải nộp khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách theo quy định.

b) Lập bản kê khai số tiền phải nộp tương ứng với diện tích đất chuyên trồng lúa nước được nhà nước giao, cho thuê và nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định.

c) Thực hiện đúng các quy định tại Điều 6 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2019, thay thế Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính (B/c);
- Bộ Tư pháp (B/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (B/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 5;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 45 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Cầm Ngọc Minh